TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 473/2026/QĐST-HNGĐ	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận việc thuận tình ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 3 năm 2026.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số số 0046/2026/TLST-VHNGĐ ngày 08/01/2026, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa các đương sự:

Người yêu cầu: Ông A; CCCD số: 079062005465 – Bà B; CCCD số: 079170022526; địa chỉ: 24/7 C, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và các biên bản tại Tòa án, các đương sự đã thỏa thuận được những nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu E, sinh ngày 11/6/2008 và cháu F; sinh ngày 15/5/2010 giao cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/cháu mỗi tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông A và bà B thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 190/2006 quyển số I/P.15 do UBND Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông A và bà B hết hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định này.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu E, sinh ngày 11/6/2008 và cháu F; sinh ngày 15/5/2010 giao cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/cháu mỗi tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Ông A được quyền thăm nuôi, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Về án phí ly hôn là 300.000 đồng do A và bà B chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0049146 ngày 12/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5. Đương sự đã nộp đủ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND TPHCM;
- VKSND Khu vực 5;
- Phòng THADS Khu vực 5;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Công Khả